

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2017/LĐ-ST**
Ngày: 15/02/2017
*V/v tranh chấp đơn phương
chấm dứt Hợp đồng lao động.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga
2. Ông Nguyễn Hữu Long

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham dự phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 15/2016/TLST-LĐ ngày 03 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp “*Đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 581 /2016/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2017 ngày 17/01/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1977

Địa chỉ: đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Huyền V – Luật sư Văn phòng luật sư Phan G thuộc Đoàn luật sư tỉnh E

Bị đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ: chung cư F, 360A đường G, Phường H, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thanh L (có mặt)

(Giấy ủy quyền ngày 20/10/2016)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh B

Trụ sở: đường J, phường K, tỉnh B

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H (đề nghị vắng mặt)

(Giấy ủy quyền ngày 14/12/2016)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1986 - Nhân viên Công ty TNHH A (vắng mặt)

Địa chỉ: chung cư F, 360A đường G, Phường H, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai của nguyên đơn ông Đỗ Thành T trình bày: Ông ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty TNHH A kể từ ngày 01/8/2005. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông không vi phạm bất kỳ hình thức kỷ luật nào. Bản thân ông bị bệnh nhưng chưa dám xin nghỉ để điều trị. Khi bệnh quá trầm trọng, ông mới đi khám và được chẩn đoán “thoát vị đĩa đệm đốt sống cổ...” nên ngày 30/5/2016 ông có gửi đơn xin nghỉ việc để khám và điều trị bệnh.

Ngày 31/5/2016 ông nhận được Thông báo số 01/TB chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty TNHH A với lý do sáp nhập và tái cơ cấu công ty mặc dù công ty chưa hề thông báo, hợp hay đưa ra phương án sử dụng lao động mới cho nhân viên biết. Do công ty vi phạm quy định tại Điều 39 Bộ luật lao động. Nên ông yêu cầu Công ty TNHH A phải bồi thường:

+ 04 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật là $39.371.139 \times 4 \text{ tháng} = 157.484.556$ đồng

+ Tiền lương được tính từ ngày ra thông báo là 15/7/2016 cho đến ngày 17/01/2017 (186 ngày) là 236.226.834 đồng, tổng cộng là: 393.711.390 đồng do Công ty TNHH A đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật,

+ Yêu cầu công ty TNHH A phải tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp từ ngày chấm dứt hợp đồng (15/7/2016) đến khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Công ty TNHH A do bà Huỳnh Thị Thanh L là đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty TNHH C đã sáp nhập vào công ty TNHH A từ ngày 19/10/2015.

Ông Đỗ Thành T trước đây là nhân viên Công ty TNHH C, sau khi sáp nhập, ông T vẫn tiếp tục ở lại làm việc cho Công ty TNHH A.

Ngày 20/10/2015 Công ty TNHH A đã thông báo về việc sáp nhập và tái cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty và Công ty đã cắt giảm vị trí trưởng phòng kinh doanh của ông Đỗ Thành T. Ngày 31/5/2016 Công ty gửi thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động cho ông T, ngày 15/7/2016 Công ty ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động và thanh lý hợp đồng lao động cho ông T qua thư (ông T đã xác nhận đã nhận bằng email).

Ngày 15/7/2016 ông T đã nhận 192.169.747 đồng tiền từ Công ty TNHH A về việc thanh toán các khoản lương, trợ cấp, bồi thường liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động.

Vì vậy, với yêu cầu khởi kiện của ông T, Công ty TNHH A không đồng ý bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B do bà Đinh Thị Phương H là đại diện theo ủy quyền trình bày: Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận: ông Đỗ Thành T, sinh năm 1977, số sổ BHXH X, có thời gian tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN tại Công ty TNHH A từ tháng 11/2015 đến tháng 7/2016 là 09 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì có cơ sở. Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết như sau: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Việc ông T khởi kiện về tranh chấp “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”. Đây là tranh chấp về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ hoạt động trụ sở tại quận I, Tp. Hồ Chí Minh nên theo Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 4 có thẩm quyền giải quyết vụ án này.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vào ngày 15/7/2016 Công ty TNHH A ra quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động cho ông T. Ngày 13/9/2016, Tòa án nhân dân Quận 4 nhận được đơn khởi kiện ông T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 167 Bộ luật lao động thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Về nội dung: tại phiên tòa, ông T yêu cầu Công ty TNHH A phải bồi thường:

+ 04 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật là $39.371.139 \times 4 \text{ tháng} = 157.484.556$ đồng

+ Tiền lương được tính từ ngày ra thông báo là 15/7/2016 cho đến ngày 15/02/2017 (07 tháng) là 275.597.973 đồng, tổng cộng là 11 tháng lương = 433.082.529 đồng do Công ty TNHH A đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật,

+ Yêu cầu công ty TNHH A phải tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp từ ngày chấm dứt hợp đồng (15/7/2016) đến khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và xác định việc Công ty chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông T là đúng pháp luật.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì từ ngày 01/8/2005, ông T và Công ty TNHH C (hiện nay là Công ty TNHH A) có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn và phụ lục hợp đồng mà hai bên đã bổ sung thay đổi gần đây nhất là ngày 01/8/2009. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

- **Về mức tiền lương:** theo Hợp đồng lao động và “Bảng thanh toán tiền lương” của Công ty TNHH A trong năm 2015 và quy định tại Điều 90 Bộ Luật lao động năm 2012 thì có cơ sở xác định tiền lương theo bảng lương mà ông T nhận hàng tháng là 39.371.139 đồng.

Quá trình làm việc tại Công ty, ông T không có vi phạm điều gì theo thỏa thuận giữa hai bên. Bản thân ông bị bệnh nhưng chưa xin nghỉ để điều trị. Đến khi bệnh quá trầm trọng, ông mới đi khám và được chẩn đoán “Lồi đĩa đệm trung tâm tầng C3-4, C4-5, C5-6; Thoát vị đĩa đệm cạnh trung tâm bên trái tầng C6-7, chèn ép nhẹ tủy...” nên ngày 30/5/2016 ông có gởi mail hồ sơ bệnh án của ông và báo cho Công ty TNHH A xin nghỉ việc 03 ngày để tiếp tục điều trị bệnh.

Ngày 31/5/2016 ông nhận được Thông báo số 01/TB sẽ chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty TNHH A với ông sau 45 ngày. Ngày 03/6/2016 ông T đến Công ty thì nhận được đề nghị thu hồi toàn bộ trang thiết bị, vật dụng của Cty gồm: Máy tính, thẻ vào cửa, thẻ taxi, điện thoại... Đến ngày 15/7/2016 ông tiếp tục nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với lý do “cơ cấu lại bộ máy tổ chức của công ty” và Công ty chuyển vào tài khoản của ông T số tiền 192.169.747 đồng, gồm lương và các

khoảng trợ cấp khác. Theo ông T thì Công ty TNHH A chưa hề thông báo, hợp hay đưa ra phương án sử dụng lao động mới cho nhân viên biết, vì Công ty TNHH C sáp nhập với Công ty TNHH A vào ngày 20/10/2015, nhưng đến ngày 15/5/2016 mới có phương án sử dụng lao động sau khi sáp nhập và lập bản thỏa thuận cắt giảm lao động. Hơn nữa, việc sáp nhập nhằm mục đích đủ điều kiện kinh doanh tại Việt Nam chứ không có sự thay đổi cơ cấu cũng như nhân sự. Phía bị đơn có nộp “phương án sử dụng lao động sau khi sáp nhập” và “bản thỏa thuận cắt giảm lao động” đề ngày 28/4/2016 nhưng không có chữ ký của ông T. Luật sư V và ông T cho rằng tài liệu, chứng cứ này là giả mạo và được lập sau khi Công ty TNHH A cho ông T nghỉ việc đã cố tình ép buộc những nhân viên công ty ký lùi ngày để tạo chứng cứ giả để cung cấp cho tòa. Hội đồng xét xử xét thấy điều này là có cơ sở do phù hợp với các chứng cứ khác và phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Bá T là nhân chứng tại phiên tòa ngày 17/01/2017. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn trình bày phía Công ty TNHH A không biết việc ông T bị bệnh là không có cơ sở vì từ ngày 30/5/2016, sau khi khám bệnh, ông T đã gửi mail hồ sơ bệnh án của ông và báo cho Công ty TNHH A xin nghỉ việc 03 ngày để tiếp tục điều trị bệnh, nhưng đến ngày 15/7/2016 (45 ngày sau) Công ty TNHH A vẫn ra quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông T.

Như vậy, từ những phân tích trên, có cơ sở xác định việc Công ty TNHH A mặc dù đã biết ông T đang bị bệnh nhưng vẫn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là vi phạm quy định khoản 1 Điều 39 Bộ luật lao động năm 2012 nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của ông T:

Tuyên bố Công ty TNHH A đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T là trái pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu Công ty TNHH A nhận trở lại làm việc.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông T và Công ty TNHH A kể từ ngày 15/02/2017.

Căn cứ Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012, buộc Công ty TNHH A phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T:

+ 04 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật là $39.371.139 \times 04 \text{ tháng} = 157.484.556$ đồng

+ Tiền lương được tính từ ngày ra thông báo là 15/7/2016 cho đến ngày 15/02/2017: 07 tháng lương) là 275.597.973 đồng. Tổng cộng là 11 tháng lương = 433.082.529 đồng.

+ Công ty TNHH A phải tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp cho ông T từ ngày 15/7/2016 đến khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, ông T được miễn toàn bộ án phí lao động sơ thẩm. Công ty TNHH A phải chịu án phí trên số tiền trả cho ông T là 12.661.650 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 42, Điều 48, Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực ngày 01/5/2013;

- Căn cứ khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Tuyên bố Công ty TNHH A đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đỗ Thành T là trái pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu Công ty TNHH A nhận trở lại làm việc.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông T và Công ty TNHH A kể từ ngày 15/02/2017.

Buộc Công ty TNHH A phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T:

+ 04 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật là $39.371.139 \times 04 \text{ tháng} = 157.484.556$ đồng

+ Tiền lương được tính từ ngày ra thông báo là 15/7/2016 cho đến ngày 15/02/2017 (07 tháng lương) là 275.597.973 đồng.

Tổng cộng là: 433.082.529 (Bốn trăm ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi chín) đồng.

+ Công ty TNHH A phải tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp cho ông T từ ngày 15/7/2016 đến khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu Công ty TNHH A chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực.

2/ Về án phí LĐST: ông T được miễn toàn bộ án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu của ông.

Công ty TNHH A phải chịu án phí là 12.661.650 (Mười hai triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng.

3/ Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Tấn Phát